

Số: 40/2021/QĐST-HNGĐ

*C, ngày 23 tháng 07 năm 2021*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 47/2021/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 07 năm 2021, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Ma Thị N - sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

- Bị đơn: Anh Ma Văn T - sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 07 năm 2021.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 07 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Ma Thị N và anh Ma Văn T.
2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:
  - 2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Ma Thị N và anh Ma Văn T thuận tình ly hôn.
  - 2.2. Về con chung: Chị Ma Thị N và anh Ma Văn T thỏa thuận thống nhất như sau: Giao con chung tên là Ma Thị Thu H, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2010 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con

chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Ma Thị N không yêu cầu anh Ma Văn T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

Anh Ma Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí: Chị Ma Thị N phải chịu 75.000 (Bảy mươi năm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm của vụ án Hôn nhân gia đình. Anh Ma Văn T phải chịu 75.000 (Bảy mươi năm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm của vụ án Hôn nhân gia đình. Ghi nhận việc chị Ma Thị N tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm của vụ án Hôn nhân gia đình là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng, được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0000617 ngày 02 tháng 07 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Chị N được hoàn lại 150.000<sup>d</sup> (Một trăm năm mươi nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp.

*Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*Nơi nhận:*

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện C;
- Ủy ban nhân dân xã N, huyện C;
- TAND tỉnh kèm theo biên bản ghi nhận;
- Chi cục THADS huyện C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Đặng Đình Hưng**